

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 95/2017/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG

Số: 2427

ĐẾN Ngày: 7/8/2017

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 7 năm 2017 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2017 - 2020. *Kim Kieu*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND
ngày 20/7/2017 của HĐND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư các vùng trong tỉnh.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương được tham chiếu trong các nhóm sau đây:

1. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II biên giới, xã khu vực I).
4. Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng dự án

1. Chương trình 30a

a) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Phạm vi hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp thẩm quyền quyết định.

- Định mức phân bổ:

+ Về vốn đầu tư phát triển 01 tỷ đồng/xã/năm.

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

b) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (kinh phí sự nghiệp).

- Phạm vi hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp thẩm quyền quyết định.

- Định mức phân bổ 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

c) Tiểu dự án 4. Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp).

Phạm vi hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo do cấp thẩm quyền quyết định. Các tiêu chí cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

+ Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%: Hệ số 0,5;

+ Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 25%: Hệ số 0,55;

+ Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo:

+ Xã có quy mô hộ nghèo dưới 500 hộ: Hệ số 0,5;

+ Xã có quy mô hộ nghèo từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ: Hệ số 0,6;

+ Xã có quy mô hộ nghèo từ 1.000 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của các xã trên địa bàn tỉnh dùng để tính hệ số, căn cứ theo kết quả điều tra của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về thực trạng hộ nghèo và hộ cận nghèo tỉnh Kiên Giang năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Định mức phân bổ: Tổng vốn bố trí cho một xã = $C \times X$. Trong đó:
C: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).
X: Tổng hệ số tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

2. Chương trình 135

a) Các tiêu chí cụ thể:

- Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II biên giới, xã khu vực I);
- Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
- Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số.

b) Cách tính hệ số các tiêu chí:

- Tiêu chí về xã;

Đối với xã	Hệ số (H1)
Xã khu vực III được tính	10
Xã khu vực II biên giới được tính	9,5
Xã khu vực II không thuộc biên giới được tính	9
Xã khu vực I được tính	8,5

- Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn;

Số áp đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
01 áp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;

Tỷ lệ hộ nghèo của xã	Hệ số (H3)
Thấp hơn tỷ lệ chung toàn tỉnh	0
Nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung toàn tỉnh	0,02
Nhỏ hơn hoặc bằng 2,0 lần tỷ lệ chung toàn tỉnh	0,03
Nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung toàn tỉnh	0,04
Lớn hơn 2,5 lần tỷ lệ chung toàn tỉnh	0,05

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ dân tộc thiểu số	Hệ số (H4)
Dưới 20% được tính	0,03

Từ 20% đến 30% được tính	0,04
Trên 30% được tính	0,05

c) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ:

Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này để tính ra hệ số của từng xã; tổng hệ số của các xã thực hiện Chương trình 135 làm căn cứ phân bổ như sau:

Số vốn phân bổ cho từng xã: $X = K \times Y$. Trong đó:

- Y: Tổng hệ số các nội dung của 01 xã;

$$Y = (H1 + H2) \times (1 + H3 + H4).$$

- K: Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số;

$$K = M : N$$

- M: Tổng mức vốn được phân bổ của chương trình;

$$M = \text{Tổng vốn đầu tư phát triển} + \text{Tổng kinh phí sự nghiệp}.$$

- N: Tổng hệ số của chương trình (N);

$$N = \text{Tổng hệ số của các xã cộng lại}.$$

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chí hệ số, tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo thực hiện theo tiêu chí của **Tiểu dự án 4** được quy định theo Điểm c, Khoản 1, Điều này.

c) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một xã = $C \times X$. Trong đó:

- C: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

- X: Tổng hệ số của tỷ lệ hộ nghèo và hệ số quy mô hộ nghèo.

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chí hệ số, tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo thực hiện theo tiêu chí của **tiểu dự án 4** được quy định theo Điểm c, Khoản 1, Điều này.

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo; (2) Giảm nghèo về thông tin.

- Tiêu chí hệ số, tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo thực hiện theo tiêu chí của **tiểu dự án 4**.

c) Định mức phân bổ:

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Tổng vốn bố trí cho một xã = $C \times X$. Trong đó:

- C: Định mức bình quân cho 01 xã (triệu đồng).
- X: Tổng hệ số tỷ lệ hộ nghèo và hệ số quy mô hộ nghèo.

(2) Giảm nghèo về thông tin:

Tổng vốn bố trí cho 01 xã = $(C \times X) + D$. Trong đó:

- C: Định mức bình quân cho 01 xã (triệu đồng).
- X: Tổng hệ số của tỷ lệ hộ nghèo và hệ số quy mô hộ nghèo.
- D: Nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch, đề án về sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền phục vụ chung cho khu vực và kế hoạch, đề án về xóa nghèo về thông tin.

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chí hệ số, tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo thực hiện theo tiêu chí của **Tiểu dự án 4** được quy định theo Điểm c, Khoản 1, Điều này.

c) Định mức phân bổ: Tổng vốn bố trí cho 01 xã = $C \times X$. Trong đó:

- C: Định mức bình quân cho 01 xã (triệu đồng).
- X: Tổng hệ số của tỷ lệ hộ nghèo và hệ số quy mô hộ nghèo.

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (do tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương dưới 50%)./.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em

